

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh do tác động của nhóm cổ phiếu bất động sản và ngân hàng với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở.

## [Thông tin doanh nghiệp]

POW, TLG

## [Cập nhật công ty]

POW

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và chỉ mở mua 1 phần tỷ trọng trading trở lại trong các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ

11/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,223.63	-1.44
VN30	1,230.71	-1.48
HĐTL VN30F1M	1,233.00	-1.35
HNXIndex	251.33	-1.90
HNX30	533.82	-2.30
UPCoM	93.71	-1.07
USD/VND	24,059	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+7
Dầu (WTI, \$)	86.89	-0.71
Vàng (LME, \$)	1,927.54	+0.44



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,223.63 (-1.44%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,222.4 (+34.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,335.6 (+22.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh do tác động của nhóm cổ phiếu bất động sản và ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại HPG (-2.61%), SSI (-0.74%), VHM (-2.78%).

**HNXIndex** 251.33 (-1.90%)  
**KLGD (triệu CP)** 130.3 (+19.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 108.0 (+30.2%)

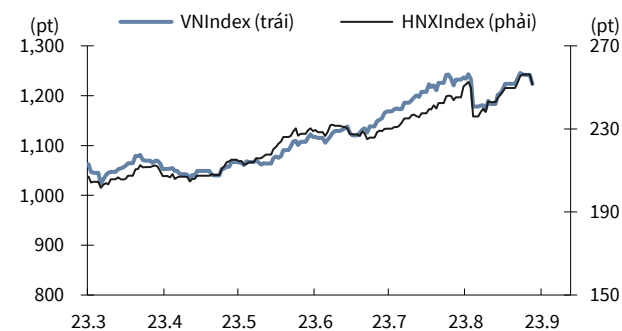
Ghi nhận lúc 7 giờ 30 sáng nay (11/9, theo giờ Việt Nam), các hợp đồng dầu thô tương lai giảm nhẹ. Dầu thô Brent giảm 38 cent về 90.27 USD/thùng; dầu WTI của Mỹ giảm 72 cent, về 86.8 USD/thùng. Cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PVS (-3.23%), PVD (-1.70%).

**UPCoM** 93.71 (-1.07%)  
**KLGD (triệu CP)** 78.6 (-13.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 47.9 (+12.0%)

Giá thép trong nước có lần giảm thứ 19. Hiệp hội Thép Việt Nam nhận định, giá thép sẽ còn nhiều đợt giảm sâu. Cụ thể, thương hiệu Thép Hòa Phát hạ giá 100,000 đồng/tấn đối với sản phẩm thép cuộn CB240 ở cả 3 miền, xuống mức 13,430 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HSG (-3.18%), HPG (-2.61%).

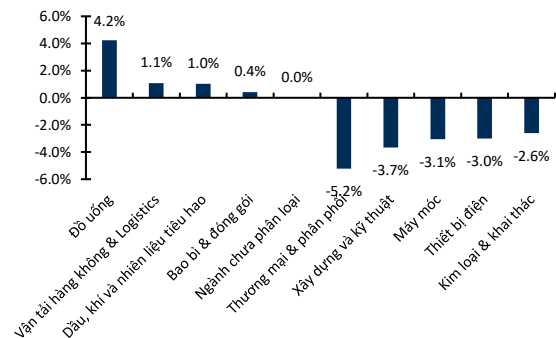
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -40.5

## VNIndex & HNXIndex



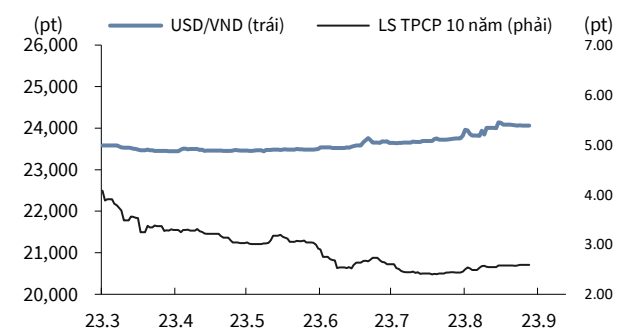
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

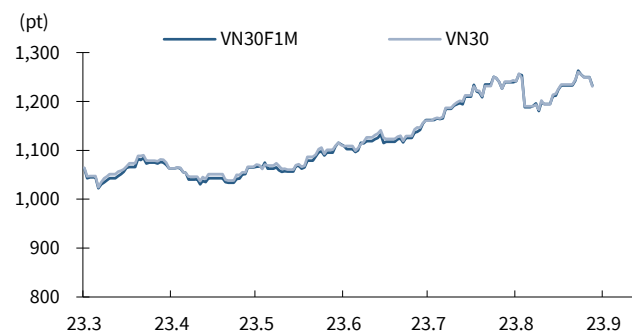
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,230.71 (-1.48%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,233.0 (-1.35%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,259.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,261.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,201.0</b>

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2309 và VN30 ghi nhận mức cao nhất tại 12.26 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó biến động quanh mức 1.853 điểm và đóng cửa tại 2.29 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

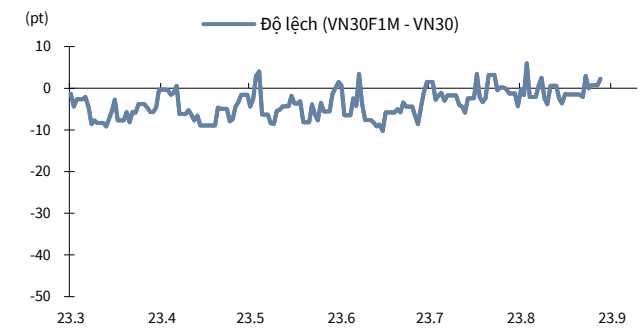
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>232,075 (+21.7%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



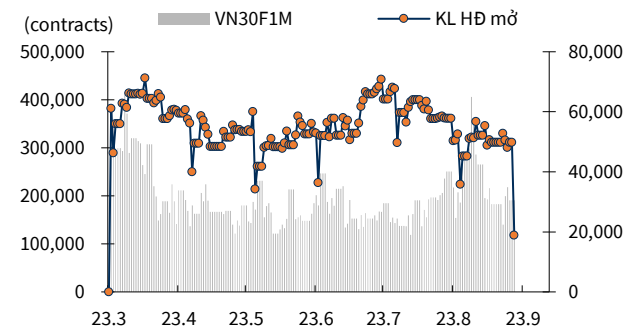
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



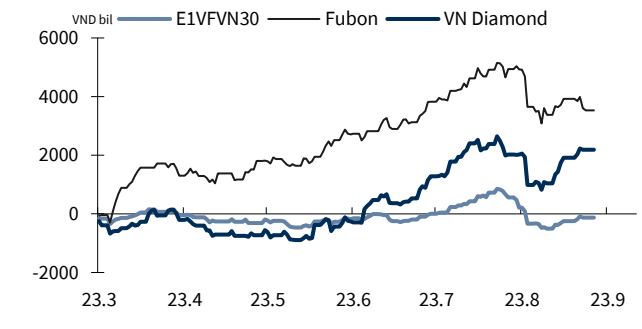
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

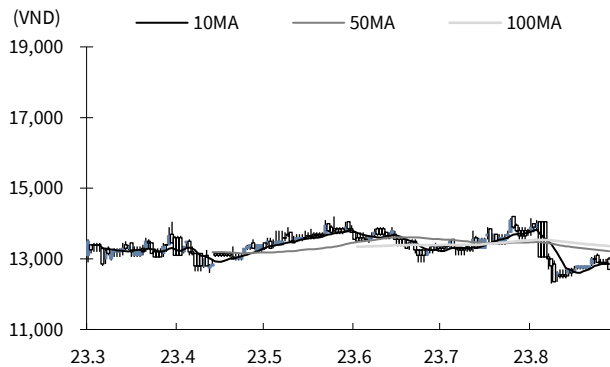
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)

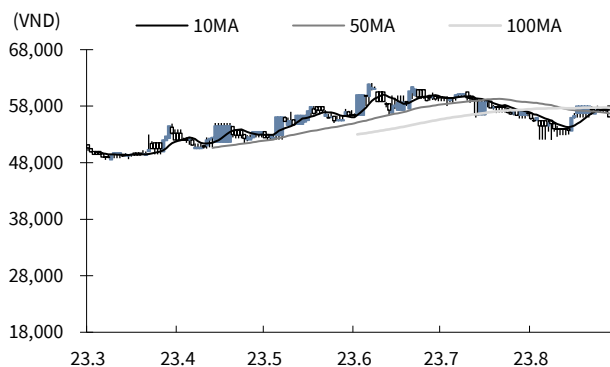


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm 1.17% xuống 12,700 VND/cp

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 8 với doanh thu ước đạt 1,796 tỷ đồng. Tổng sản lượng điện từ các nhà máy điện gần 612 triệu kWh. Lũy kế 8 tháng đầu năm, doanh thu của PV Power đạt 19,920 tỷ đồng, hoàn thành 66% kế hoạch năm 2023.

## CTCP Tập đoàn Thiên Long (TLG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TLG giảm 2.09% xuống 56,100 VND/cp

- CTCP Tập đoàn Thiên vừa công bố KQKD 7 tháng đầu năm với lợi nhuận sau thuế đạt 277 tỷ đồng (-22% YoY) và doanh thu đạt 2,218 tỷ đồng (+1% YoY). Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu đạt 538 tỷ đồng. Như vậy, sau 7 tháng, công ty đã thực hiện được 69% mục tiêu lợi nhuận và 55% chỉ tiêu doanh thu.

11/09/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận  
 thuannnd@kbsec.com.vn

### Doanh thu và lợi nhuận 2Q2023 có diễn biến trái chiều

Doanh thu 2Q2023 của POW đạt 8,429 tỷ VND (+13% YoY) và LNST đạt 181 tỷ VND (-69% YoY). Doanh thu và giá vốn hàng bán trong kỳ đều tăng, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp suy giảm xuống còn 6% do (1) Chi phí nguyên vật liệu cao dẫn tới giá vốn tăng mạnh hơn so với doanh thu (2) Trong Quý 2/2022, POW có ghi nhận doanh thu chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Vũng Áng.

### El Nino tiếp diễn tăng huy động của các nhà máy nhiệt điện

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia, hiện tượng El Nino có thể tiếp diễn từ tháng 6 cho đến hết năm 2023 và duy trì sang 2024 với xác suất khoảng 80-90%. Điều này đồng nghĩa với việc sản lượng thủy điện tiếp tục bị ảnh hưởng và các nhà máy nhiệt điện sẽ được huy động nhiều hơn để bù đắp lượng thiếu hụt này. Chúng tôi cho rằng nhiệt điện sẽ được huy động cao, đặc biệt vào những thời điểm nắng nóng như thời điểm Quý 2 hàng năm.

### Các nhà máy của POW hoàn thành sửa chữa và đại tu trong 2023

Theo thông tin từ POW, Tổ máy số 1 Nhiệt điện Vũng Áng 1 sau một thời gian bảo dưỡng, sửa chữa đã trở lại vận hành thương mại, chạy ổn định và vượt công suất thiết kế. Đây là tín hiệu giúp tăng sản lượng điện của POW như kỳ vọng của chúng tôi. Ngoài ra, thủy điện Đakdrinh cũng đã về đích đại tu tổ máy H2 trong tháng 8 sau 23 ngày thực hiện. Bước sang 2024, POW sẽ sẵn sàng cho huy động, khi nhu cầu kỳ vọng tăng lên từ nhóm Công nghiệp và ảnh hưởng của El Nino trong 2024.

### Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 15,400 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá SOTP, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu POW. Giá mục tiêu là 15,400 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 20% so với giá tại ngày 11/09/2023.

## MUA THAY ĐỔI

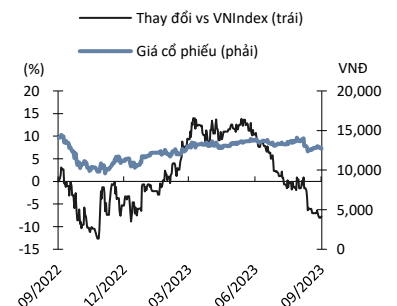
Giá mục tiêu	VND 15,400
Tăng/giảm (%)	20%
Giá hiện tại (11/09/2023)	VND 12,800
Giá mục tiêu thị trường	VND 16,600
Vốn hóa (tỷ VND)/ triệu USD	4,729/178

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)/triệu USD	124.61/5.2
Sở hữu nước ngoài (%)	6.49%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (79.94%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.6	7.0	20.6	-5.2
Tương đối	-2.0	-0.4	13.4	3.0

### Dự phóng KQKD & định giá

Nhãn tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	24,561	28,224	32,189	37,217
EBIT	2,400	2,858	2,305	3,739
LN sau CĐTTS	1,799	2,061	1,798	2,818
EPS (VND)	757	871	768	1,203
Thay đổi EPS (%)	-24.2	15.1	-12.0	57.0
P/E (x)	23.1	13.4	23.1	14.7
EV/EBITDA (x)	8.4	9.4	9.9	8.4
P/B (x)	1.3	0.8	1.1	1.0
ROE (%)	6.6	7.7	5.6	7.6
Tỷ suất cổ tức (%)	1.7	0.7	0.0	0.0



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



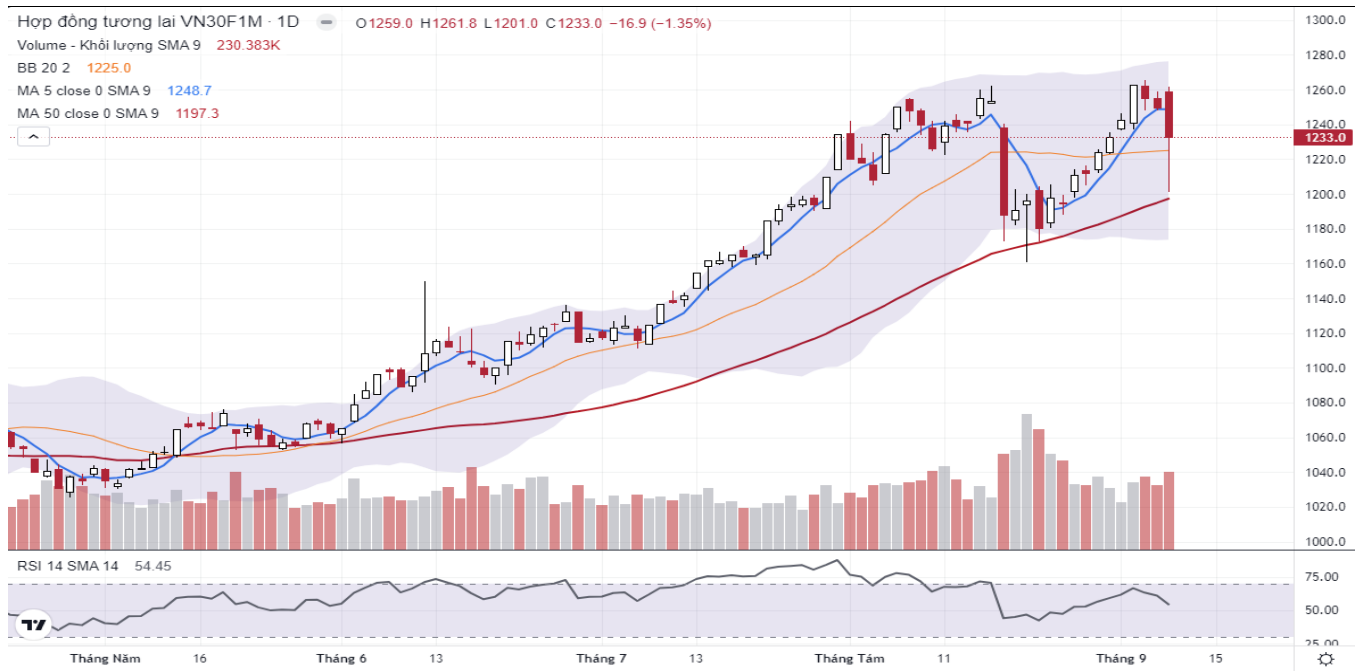
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Việc hình thành mẫu nến marubozu cùng thanh khoản gia tăng đột biến cho thấy áp lực từ bên bán hoàn toàn chiếm ưu thế và để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp giảm điểm trong các phiên. Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1220 (+5) và sâu hơn là 119x được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và chỉ mở mua 1 phần tỷ trọng trading trở lại trong các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1245 - 1247

Kháng cự gần: 1237 - 1240

Hỗ trợ gần: 1224 - 1226

Hỗ trợ xa: 1208 - 1212

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1220 (+/-) đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù vậy, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át với ngưỡng hỗ trợ sâu được đặt quanh 120x
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời một phần vị thế SHORT đã mở và chỉ mở vị thế trở lại quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



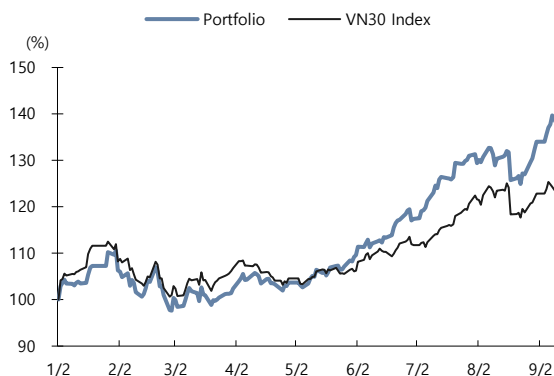
# KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.48%	-1.77%
Tăng lũy kế (YTD)	22.44%	37.20%

## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	14,250	-3.4%	-4.4%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	29,950	-2.0%	7.3%	- Mảng EPC và SXCN trong 2H2023 sẽ được cải thiện khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt - Đóng góp mới từ mỏ Niken và KCN sẽ bù đắp lợi nhuận giảm từ các mảng còn lại
FPT Corp (FPT)	31/12/2019	83,600	-0.5%	29.6%	- KQKD tích cực trong 7T, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 là khả thi - Hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số, cũng như tăng trưởng mảng công nghệ ở Mỹ, Nhật - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	25,000	-3.8%	0.6%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	26,000	-1.7%	2.0%	- Giá thịt heo sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục về quanh mức 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	97,400	-0.2%	204.9%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	37,700	-1.0%	5.5%	- Đà giảm giá cước vận tải kì vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sàn dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	31/12/2019	21,100	0.5%	4.5%	- KQKD sẽ hồi phục nhờ: (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ; và (2) sức mua hồi phục - Biên LN góp cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu hàng hoá và tăng hiệu quả quản trị HTK - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	31,600	-2.8%	9.2%	- Mức crack spread trên thế giới có thể được cải thiện khi TQ và Mỹ bước vào mùa cao điểm - Kế hoạch hoãn bảo dưỡng nhà máy giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Sacombank (STB)	01/08/2023	20,800	-2.8%	7.2%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lsdh; (2) Thanh khoản được cải thiện - STB nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	-1.1%	23.5%	56.4
DGC	-1.6%	14.5%	51.1
PDR	-3.5%	3.9%	27.2
VGC	-2.4%	5.1%	18.8
MWG	-1.8%	48.5%	12.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-2.6%	25.9%	-209.2
SSI	-0.7%	46.1%	-164.4
VHM	-2.8%	24.2%	-125.8
KBC	-3.7%	21.3%	-92.8
FUESSVFL	-1.5%	96.1%	-70.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	0.5%	19.7%	11.8
IDC	-3.4%	1.2%	9.4
TSB	-3.9%	0.0%	2.0
PVS	-3.2%	20.1%	1.6
SLS	0.0%	0.5%	1.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	11.7%	-3.9
NVB	-5.3%	7.8%	-1.5
MBS	0.0%	0.7%	-1.0
PSD	1.2%	0.0%	-0.9
HCC	-0.8%	15.7%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	5.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phụ tùng oto	5.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Sản phẩm xây dựng	4.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	3.6%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	3.5%	PLX, PGC, CNG, GSP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-3.7%	VHM, VIC, NVL, BCM
Máy móc	-3.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-3.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Thương mại & phân phối	-1.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ gia dụng	-1.6%	TTF, GDT, EVE, SAV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ	15.2%	FPT, CMG, ELC
Chứng khoán	13.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	8.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hóa chất	7.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Giấy & lâm sản	6.0%	DHC, HAP, HHP, VID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-10.6%	VHM, VIC, NVL, BCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-7.1%	TNH, JVC, VMD
Hàng không dân dụng	-3.6%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-3.5%	BVH, MIG, BIC, BMI
Sản xuất điện	-3.4%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,227,810 (51.2)	22.5	69.9	65.4	14.7	2.9	2.9	2.0	1.9	0.0	-4.8	-18.6	9.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	381,218 (15.9)	26.6	6.4	5.9	35.9	21.3	19.4	1.3	1.1	-2.8	-4.0	-13.8	9.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	186,116 (7.8)	17.8	15.6	14.7	-7.6	11.8	11.5	1.7	1.6	-3.0	-5.3	-6.7	9.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	957,791 (39.9)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.1	1.1	-6.8	0.2	-1.9	46.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	64,243 (2.7)	11.6	26.8	24.1	13.7	8.2	8.2	1.9	1.8	-3.9	-5.9	-4.5	31.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	546,333 (22.8)	13.9	39.4	41.6	-	3.7	3.4	1.4	1.3	-6.2	-4.7	4.7	66.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	139,812 (5.8)	6.3	14.9	12.6	11.7	22.7	21.3	2.8	2.3	-1.1	-0.7	-2.1	30.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	68,044 (2.8)	12.7	11.7	9.4	-5.3	19.5	19.9	2.0	1.6	-1.1	-1.0	-0.4	20.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	223,125 (9.3)	0.0	6.6	5.2	14.3	15.0	16.5	0.9	0.8	-2.3	0.1	2.7	33.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	212,726 (8.9)	1.4	8.4	6.9	50.3	16.9	17.7	1.2	1.1	-1.2	-1.7	-0.6	17.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	402,359 (16.8)	0.0	10.2	7.9	18.8	11.4	12.9	1.3	1.2	0.5	4.5	-0.5	22.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	198,610 (8.3)	0.0	4.9	4.1	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	-1.8	1.4	-0.8	26.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	57,271 (2.4)	4.2	6.0	4.0	23.3	19.8	24.5	1.1	0.9	-1.4	1.5	0.3	23.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	801,772 (33.5)	14.0	7.9	5.1	26.5	18.7	23.2	1.3	1.0	-2.8	-3.2	-0.8	40.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	171,880 (7.2)	0.0	7.3	6.3	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	-2.3	-3.3	1.6	25.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	204,695 (8.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-2.0	-3.8	3.1	7.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	33,873 (1.4)	21.0	16.1	15.4	15.8	11.4	9.8	1.6	1.5	-0.3	0.7	-2.6	-2.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,855 (0.4)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-0.3	3.4	11.8	34.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	949,158 (39.6)	55.4	32.1	25.3	-3.2	9.9	8.9	2.3	2.2	-0.7	0.3	19.0	89.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	239,168 (10.0)	71.9	30.1	22.4	-4.0	10.5	13.6	3.1	3.0	1.3	0.8	12.8	104.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	244,260 (10.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.1	3.8	15.1	69.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	746,870 (31.2)	27.2	24.3	18.2	36.3	7.9	10.2	1.9	1.8	-1.1	-0.4	16.7	73.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	285,174 (11.9)	42.1	18.9	16.1	4.0	29.4	32.1	5.4	5.5	-0.6	2.2	8.2	4.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	51,714 (2.2)	36.9	23.2	20.8	7.3	19.4	19.7	4.2	3.8	4.3	6.0	5.0	0.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	168,576 (7.0)	16.5	47.4	26.8	-51.9	10.7	13.1	5.5	4.8	-2.7	-2.3	-5.8	-14.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,205 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.4	-1.4	-5.8	-1.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	94,353 (3.9)	11.0	56.7	26.0	-88.5	6.4	13.2	3.4	2.9	-2.4	1.0	-2.1	-9.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	87,199 (3.6)	10.8	11.9	16.5	-57.0	30.4	12.6	2.2	2.0	-2.5	0.8	14.5	39.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	270,137 (11.3)	38.4	18.5	15.0	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	-1.1	2.9	10.0	78.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	541,634 (22.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-5.4	-1.6	8.5	96.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	58,891 (2.5)	3.6	22.7	19.5	-52.4	2.1	1.8	0.6	0.6	-3.4	2.2	-4.3	96.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	42,384 (1.8)	0.0	9.6	8.4	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	-0.6	1.3	0.6	2.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	55,674 (2.3)	46.1	15.7	15.1	-17.5	18.9	16.6	3.0	2.8	-0.8	2.8	-0.1	-0.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,269 (0.9)	31.4	13.4	11.2	-10.5	13.5	16.2	1.9	1.8	0.8	6.6	0.2	3.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,686 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	2.8	1.7	16.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	834,710 (34.8)	18.0	22.4	12.5	21.9	7.4	12.8	1.6	1.4	-2.6	1.4	1.1	55.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	160,317 (6.7)	36.5	10.4	9.0	-0.5	9.3	13.3	1.2	1.2	0.0	9.5	1.4	-5.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	154,318 (6.4)	46.5	13.8	9.1	-4.5	11.6	17.6	1.7	1.5	0.3	9.5	3.2	28.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	260,251 (10.9)	38.9	-	22.1	67.9	1.3	6.0	1.2	1.1	-3.2	6.5	7.3	89.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	104,010 (4.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.2	-1.9	-9.8	55.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	44,495 (1.9)	4.6	19.7	14.4	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	1.1	3.4	-2.0	25.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	110,996 (4.6)	39.9	37.5	22.5	-11.9	4.9	8.0	1.0	1.0	-1.7	2.0	2.0	45.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	85,287 (3.6)	35.9	8.6	8.0	2.2	15.5	14.7	1.2	1.1	5.2	8.8	8.1	14.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	401,938 (16.8)	0.0	65.1	17.6	14.4	5.2	16.5	3.3	3.0	-1.8	1.3	2.3	27.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	54,011 (2.3)	0.0	15.5	13.3	2.4	20.3	21.1	3.0	2.7	-0.5	3.9	5.3	-7.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,217 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	1.2	-3.3	46.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	89,984 (3.8)	30.3	312.5	23.9	-75.2	0.6	18.5	5.3	4.4	-1.2	1.8	13.3	41.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,097 (0.9)	34.6	13.3	16.4	41.2	14.7	11.6	2.0	1.9	-2.6	-4.3	-3.9	23.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,200 (0.2)	45.4	13.8	12.9	10.7	25.4	23.8	3.2	2.8	-1.7	1.4	3.2	41.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	240,045 (10.0)	0.0	20.6	16.7	15.5	27.2	28.7	6.3	5.3	-0.2	0.7	18.8	45.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

